

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TRỪU TƯỢNG HÓA VÀ SỰ VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP NÀY CỦA C. MÁC TRONG BỘ TƯ BẢN LUẬN

THE METHOD OF ABSTRACTION RESEARCH AND THE APPLICATION
OF THIS METHOD BY KARL MARX IN THE CAPITALIST

HỒ TẤN PHONG^(*)

TÓM TẮT: Trừu tượng hóa là một phương pháp cơ bản, đặc trưng khi nghiên cứu các vấn đề kinh tế - xã hội. Trong tác phẩm “Tư bản luận” C.Mác đã vận dụng thành công phương pháp này để phân tích các quan hệ kinh tế hàng hóa tư bản, xuyên qua vô vàn các hiện tượng kinh tế khác nhau, để vạch ra các quan hệ bản chất, các phạm trù, các quy luật vận động của nền kinh tế đó. Nhận thức phương pháp trừu tượng hóa được C.Mác sử dụng trong “Tư bản luận” giúp người đọc nghiên cứu các học thuyết kinh tế của C.Mác dễ dàng hơn, cũng như giúp các nhà kinh tế chọn cách tiếp cận để nghiên cứu sự phát triển kinh tế thị trường nước ta.

Từ khóa: trừu tượng hóa, tư bản luận.

ABSTRACT: Abstraction is a fundamental, characteristic method when studying socio-economic issues. In his work "Capitalism," Marx successfully applied this method to analyze the economic relations of capital goods, through the various economic phenomena, to map the relations of the nature, categories and laws of the economy. The perception of the method used by K. Marx in "Capitalism" helps the reader to study his economic theory easier, as well as help economists choose the approach to studying the development of Vietnam's market economy.

Key words: abstraction, capitalism.

1. PHƯƠNG PHÁP TRỪU TƯỢNG HÓA

Những năm gần đây, trong đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ta, các trường đại học đã rất coi trọng các phương pháp nghiên cứu khoa học, trong đó trừu tượng hóa là một phương pháp cơ bản khi nghiên cứu các vấn đề kinh tế - xã hội.

C.Mác nói: “khi phân tích các hình thái kinh tế thì người ta không thể dùng

kính hiển vi hay những chất phản ứng hóa học được. Sức trừu tượng hóa phải thay thế cho cả hai cái đó” [1, tr.16]. Phương pháp trừu tượng hóa đòi hỏi phải gạt bỏ những yếu tố ngẫu nhiên, không bền vững, không ổn định xảy ra trong những quá trình và hiện tượng được nghiên cứu, tách ra những cái điển hình, bền vững, ổn định trong những hiện tượng và quá trình đó, trên cơ sở ấy xác định đúng bản chất

^(*) TS. Trường Đại học Văn Lang, Email: hotanphong@vanlanguni.edu.vn

các hiện tượng, quá trình, các quy luật vận động của chúng.

2. SỰ VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP TRỪ TƯỢNG HÓA TRONG BỘ TƯ BẢN LUẬN

Tư bản luận - tác phẩm nổi tiếng mà trong đó trừ tượng hóa là một trong những phương pháp nghiên cứu cơ bản đã được C.Mác đã sử dụng rất điển hình để phân tích nền kinh tế tư bản. Không nắm vững phương pháp trừ tượng hóa sẽ rất khó khi đọc “Tư bản luận”, hay giản đơn hơn là đọc các giáo trình kinh tế chính trị Mác - Lênin.

Việc xác định *điểm nghiên cứu xuất phát* là điều kiện tiên quyết trong vận dụng phương pháp trừ tượng hóa. C.Mác đã phân tích các quan hệ kinh tế tư bản bắt đầu từ phân tích hàng hóa (sản xuất hàng hóa là hình thức sản xuất điển hình của phương thức sản xuất tư bản, hàng hóa là hình thái nguyên tố của của cải, chứa đựng mọi mầm mống mâu thuẫn của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa,... [2, tr.190].

Phân tích trừ tượng hóa, C.Mác thường đưa ra *các giả định* hợp lý, khoa học khi phân tích các quan hệ kinh tế. Ở quyển I, bộ Tư bản, để tìm ra bản chất quan hệ sản xuất tư bản, C.Mác xác định đối tượng nghiên cứu là quá trình sản xuất trực tiếp, nơi diễn ra quan hệ sản xuất trực tiếp giữa nhà tư bản và công nhân (mặc dù trong nền kinh tế tư bản còn nhiều mối quan hệ giữa các chủ thể kinh tế khác, nhưng sự tác động của chúng không làm thay đổi bản chất mối quan hệ giữa tư bản và lao động). Trong những phân tích ở quyển I, quá trình lưu thông được giả định là trôi chảy, hàng hóa mua, bán theo đúng giá trị.

Sau khi làm rõ được bản chất quan hệ sản xuất tư bản qua phân tích quá trình sản xuất trực tiếp, ở quyển II bộ Tư bản tập trung nghiên cứu quá trình lưu thông tư bản (cái được giả định, trừ tượng trong nghiên cứu ở quyển I). Đó là quá trình lưu thông của tư bản cá biệt: tuần hoàn và chu chuyển tư bản, và lưu thông của tư bản xã hội (tái sản xuất tư bản xã hội). Tư bản cá biệt nghiên cứu ở đây, theo giả định của C.Mác, gọi là tư bản công nghiệp, lần lượt vận động qua ba giai đoạn: mua, sản xuất, bán. Ở mỗi giai đoạn, tư bản trải qua những hình thái khác nhau: tư bản tiền tệ, tư bản sản xuất, tư bản hàng hóa. Mỗi hình thái tư bản thực hiện một chức năng nhất định, để làm tăng giá trị tư bản. Phân tích tuần hoàn tư bản công nghiệp là cơ sở để phân tích sự chia tách các hình thái chức năng tư bản: tư bản thương nghiệp, tư bản cho vay,... theo lịch sử phát triển của nền kinh tế tư bản.

Một số giáo trình, tài liệu ở nước ta khi biên soạn vấn đề nói trên đã thể hiện đúng tư duy trừ tượng của C.Mác trong khái niệm “tư bản công nghiệp” [3], [4].

Quyển III bộ Tư bản phân tích quá trình sản xuất thực tế tư bản chủ nghĩa như là sự thống nhất của sản xuất và lưu thông. Sự phân tích ở quyển III cho thấy, phạm trù giá trị thặng dư - phạm trù trừ tượng nhất, biểu hiện bản chất nhất của quan hệ sản xuất tư bản, từng bước biểu hiện thành các phạm trù lợi nhuận, lợi nhuận bình quân, lợi nhuận thương nghiệp, lợi tức, địa tô tư bản,...

Đi vào một số nội dung bộ Tư bản, từ phạm trù xuất phát là hàng hóa, C.Mác bằng tư duy trừ tượng cao, đã gạt bỏ giá cả, biểu hiện bằng tiền của hàng hóa, để

hàng hóa biểu hiện thành quan hệ trao đổi trực tiếp với nhau, thành các giá trị trao đổi. C.Mác đã phát hiện ra bản chất phạm trù giá trị: trao đổi hàng hóa thực chất là trao đổi lao động của những người sản xuất hàng hóa với nhau. Vì vậy, giá trị - lao động là sự trừu tượng hóa đến bản chất quan hệ kinh tế mà hàng hóa chứa đựng. Trong các giáo trình kinh tế chính trị ở nước ta đều viết: giá trị và lao động trừu tượng tạo ra giá trị là phạm trù lịch sử, còn giá trị sử dụng và lao động cụ thể tạo ra giá trị sử dụng là phạm trù vĩnh viễn. Tuy nhiên, cách hiểu trên là đúng, khi chúng ta coi giá trị sử dụng là thuộc tính tự nhiên, công dụng của sản phẩm,... Nhưng giá trị sử dụng của hàng hóa phải là giá trị sử dụng xã hội, giá trị sử dụng mang giá trị trao đổi. Đó là hiện tượng lịch sử, và lao động cụ thể, một hình thức đặc biệt của hao phí lao động tạo ra giá trị sử dụng của hàng hóa, cũng là một hiện tượng lịch sử.

Trên cơ sở giá trị lao động, C.Mác đã phân tích quan hệ kinh tế tư bản, chỉ ra giá trị hàng hóa tư bản ở dạng trừu tượng nhất, cũng là bản chất nhất, là $W = "c + v + m"$. Đó cũng là giá trị lao động: "c" tương ứng với chi phí lao động quá khứ, và "v+ m" là chi phí lao động sống.

Phạm trù tư bản bất biến (c) là phạm trù trừu tượng tất cả chi phí tư liệu sản xuất trong sản phẩm, mà trong phần phân tích chu chuyển tư bản, "c" được phân giải thành tư bản cố định (c_1) và phần chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu,... trong tư bản lưu động (c_2). Phạm trù tư bản khả biến "v" ngang với giá trị sức lao động tổng hợp của công nhân, nhà quản lý,... được tái sản xuất trong sản phẩm (được

trừu tượng thành giá trị sức lao động của công nhân làm thuê). Phạm trù giá trị thặng dư "m" được trừu tượng không phụ thuộc vào những hình thức biểu hiện trong thực tế của nó.

Như vậy, bằng phương pháp trừu tượng hóa, C.Mác đã vạch ra bản chất quan hệ kinh tế trong sản xuất hàng hóa và bản chất quan hệ sản xuất tư bản. Từ những phạm trù trừu tượng nhất, cũng là bản chất nhất (giá trị - lao động, giá trị thặng dư) nói trên, C.Mác đã chỉ ra mối quan hệ giữa chúng với những phạm trù biểu hiện trên thực tế nền kinh tế xã hội thông qua các phạm trù trung gian của nhận thức. Đó là các quan hệ giữa giá trị với giá trị trao đổi, giá cả hàng hóa; quan hệ giữa giá trị thặng dư, lợi nhuận, lợi nhuận bình quân, lợi nhuận thương nghiệp, công nghiệp, lợi tức, địa tô; hay quan hệ giữa phạm trù giá trị - lao động, giá trị là $c + v + m$, là $k + P$ (chi phí sản xuất tư bản + lợi nhuận), hay giá trị chuyển hóa hành $K + Pbq$ (giá cả sản xuất), $K + P đq$ (giá cả độc quyền). C.Mác đã coi đi từ *trừu tượng đến cụ thể* là phương pháp nhận thức khoa học quan trọng "*nhờ đó mà tư duy quán triệt được cái cụ thể và tái tạo ra nó với tư cách là một cái cụ thể trong tư duy*" [5, tr. 877-878].

Một điển hình về sự vận dụng phương pháp trừu tượng hóa là C.Mác, người đầu tiên trong lịch sử kinh tế, đã phát minh ra tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa (lao động cụ thể, lao động trừu tượng), cái mà nhiều nhà kinh tế trước C.Mác như A. Smith, D. Ricardo,... không thể nhận ra, đưa tới những quan điểm kinh tế sai lầm [6, tr.65,71].

C.Mác đã xếp phát minh về tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa ngang với phát minh về giá trị thặng dư. Trong thư gửi Ph. Ăngghen (24/8/1867), C.Mác viết: “Cái ưu tú nhất trong cuốn sách của tôi (Bộ tư bản - H.T.P) là:

(1) Nhấn mạnh ở chương I, tính chất hai mặt của lao động, khi được xem xét nó hoặc được biểu hiện trong giá trị sử dụng, hoặc trong giá trị trao đổi.

(2) Nghiên cứu giá trị thặng dư không phụ thuộc vào những hình thức đặc biệt của nó như lợi nhuận, lợi tức, địa tô,...”.

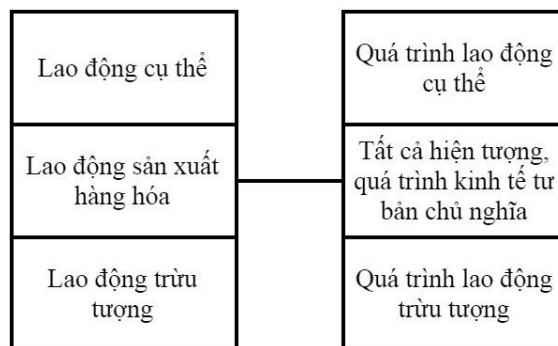
Không có phát minh về tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa, không thể nhận thức được hai mặt của quá trình sản xuất tư bản, để từ đó khám phá ra bản chất giá trị thặng dư. Phát minh trên là bộ phận cấu thành quan trọng nhất làm nên bước ngoặt mà C.Mác đã tạo ra trong kinh tế chính trị, và đó là điểm xuất phát mà “nhận thức khoa học kinh tế chính trị xoay quanh”. Đáng tiếc là ở nước ta, phát minh về tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa - một phát minh mang tính phương pháp luận có ý nghĩa to lớn đến nhận thức bản chất các quan hệ kinh tế hàng hóa tư bản chủ nghĩa, lại được đề cập ít ỏi, thoáng qua trong chương trình kinh tế chính trị cho sinh viên, cho cả học viên cao học, nghiên cứu sinh về ngành kinh tế chính trị học. Điều này có thể dẫn tới những nhận thức chưa đầy đủ, thậm chí sai lệch một số nguyên lý kinh tế chính trị của C.Mác.

Khi lao động là cơ sở tất cả các hiện tượng, các quá trình kinh tế hàng hóa, lao động đó có tính hai mặt, thì tất cả các hiện tượng, các quá trình kinh tế hàng hóa đều

có tính hai mặt. Sản xuất hàng hóa là hình thức sản xuất điển hình của nền kinh tế tư bản, nên tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa, và do đó tính hai mặt của tất cả các hiện tượng, các quá trình kinh tế hàng hóa biểu hiện đầy đủ nhất.

Một mặt là nội dung vật chất tự nhiên của quá trình lao động gắn với lao động cụ thể, như quá trình tạo ra giá trị sử dụng hàng hóa, quá trình bảo tồn, chuyển giá trị tư liệu sản xuất sang sản phẩm, nâng cao sức sản xuất của lao động cụ thể, quá trình sản xuất giá trị thặng dư tương đối.

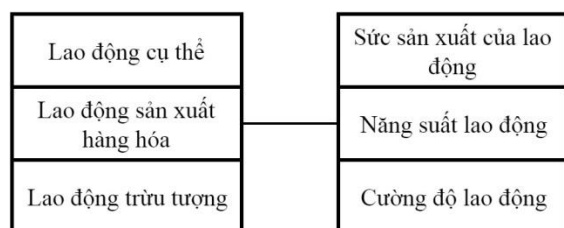
Mặt khác hình thức kinh tế xã hội của quá trình sản xuất gắn với lao động trừu tượng, như quá trình tạo giá trị hàng hóa, quá trình tăng lên của giá trị, quá trình sản xuất giá trị thặng dư tương đối.



Các giáo trình kinh tế chính trị nước ta đều viết: do lao động sản xuất hàng hóa có tính hai mặt nên hàng hóa có hai thuộc tính, giá trị sử dụng, giá trị, và bản thân giá trị cũng có hai mặt: giá trị cũ và giá trị mới. Tuy nhiên phân tích tiếp tục sẽ dẫn tới chỗ: do lao động sản xuất hàng hóa có tính hai mặt, nên giá trị sử dụng của hàng hóa cũng có hai mặt: giá trị sử dụng thực tế (kết quả của lao động cụ thể), là khả năng hàng hóa thỏa mãn nhu cầu cho người mua, và giá trị sử dụng

hình thức (kết quả của lao động trừu tượng), cái cần đối với người bán, với họ, hàng hóa chỉ là một thực thể mang giá trị. Trong nền kinh tế hàng hóa có rất nhiều loại hàng hóa không có giá trị sử dụng thực tế mà chỉ có giá trị sử dụng hình thức, như tiền giấy, cổ phiếu, trái phiếu, các văn tự nợ,...

Một ví dụ khác, về khái niệm năng suất lao động: vì lao động sản xuất hàng hóa có tính hai mặt, lao động cụ thể và lao động trừu tượng, nên năng suất lao động cũng có hai mặt: *một mặt*, cường độ lao động liên quan đến lao động trừu tượng, tăng cường độ lao động là tăng hao phí lao động trừu tượng; và *mặt khác*, sức sản xuất của lao động liên quan tới lao động cụ thể, tăng sức sản xuất của lao động là nâng cao năng lực lao động cụ thể. Như vậy, năng suất lao động là một hiện tượng hai mặt phức tạp, là tổng hợp hiệu quả của lao động cụ thể và lao động trừu tượng, là sự thống nhất sức sản xuất của lao động và cường độ lao động.



C.Mác nói: nâng cao sức sản xuất của lao động và tăng cường độ lao động tác động như nhau trong cùng một quan hệ, mặt này hay mặt khác đều làm tăng khối lượng sản phẩm sản xuất ra trong một đơn vị thời gian. *“Như vậy là đại lượng giá trị của một hàng hóa thay đổi theo tỷ lệ thuận với lượng lao động thể hiện trong hàng hóa*

đó và theo tỷ lệ nghịch với sức sản xuất của lao động đó” [1, tr.69].

Sức sản xuất của lao động được quy định bởi nhiều nhân tố, như: trình độ khéo léo của người lao động; mức độ phát triển của khoa học và trình độ áp dụng khoa học vào quá trình sản xuất; quy mô và hiệu quả của tư liệu sản xuất và các điều kiện tự nhiên. Sức sản xuất của lao động tăng sẽ dẫn tới năng suất lao động tăng.

Ở nước ta hiện nay, chỉ có một số tài liệu [3], [4], diễn đạt đúng khái niệm năng suất lao động như trình bày ở trên, đúng với phân tích của C.Mác từ quan điểm hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa. Nhiều tài liệu khác, như các “Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin” do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì biên soạn đều đồng nhất phạm trù sức sản xuất của lao động với năng suất lao động, như là một hiện tượng khác biệt, đối lập với phạm trù cường độ lao động.

C.Mác dùng thuật ngữ năng suất lao động đồng nghĩa với sức sản xuất của lao động chỉ trong trường hợp cường độ lao động không đổi.

3. KẾT LUẬN

Trên đây là một số ví dụ rất điển hình của C.Mác đã sử dụng phương pháp trừu tượng hóa để phân tích các quan hệ kinh tế hàng hóa tư bản. Cùng với việc sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu khác, như phương pháp biện chứng duy vật, phương pháp thống nhất lô-gic và lịch sử, phương pháp phân tích và tổng hợp,... phương pháp trừu tượng hóa mang tính đặc trưng để nghiên cứu các thực thể kinh tế - xã hội, đã giúp C.Mác vượt qua vô vàn những hiện tượng kinh tế phức tạp, nhiều khi hỗn độn,

mang tính ngẫu nhiên của nền kinh tế tư bản để tìm ra những quan hệ mang bản chất, xác định các phạm trù, quy luật vận động của nền kinh tế đó.

Nắm vững phương pháp trừu tượng hóa được C.Mác sử dụng trong bộ Tư bản

luận giúp người đọc, cũng như các sinh viên bớt khó khăn khi nghiên cứu tác phẩm nổi tiếng của C.Mác, cũng như gợi mở về việc sử dụng phương pháp nghiên cứu này để phân tích các vấn đề kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập - tập 23*, Nxb. Chính trị Quốc gia.
2. Bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, Nxb. Chính trị Quốc gia.
3. Hội đồng TW chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2009), Nxb. Chính trị Quốc gia.
4. Đại học quốc gia Hà Nội (2008), *Một số chuyên đề về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (tập 2)*, Nxb. Lý luận Chính trị.
5. C.Mác và Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập - tập 12*, Nxb. Chính trị Quốc gia.
6. Đại học Kinh tế quốc dân (1996), *Lịch sử các học thuyết kinh tế*. Nxb. Thống kê.

Ngày nhận bài: 15/8/2017. Ngày biên tập xong: 04/01/2018. Duyệt đăng: 17/3/2018.